

**HƯỚNG DẪN CHẤM THI***Bản hướng dẫn gồm 03 trang***A. Hướng dẫn chung**

1. Nếu thí sinh làm bài theo cách riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản như trong hướng dẫn chấm thì vẫn cho đủ điểm như hướng dẫn quy định.

2. Việc chi tiết hoá điểm số (nếu có) so với biểu điểm phải đảm bảo không sai lệch với hướng dẫn chấm và được thống nhất trong Hội đồng chấm thi.

3. Sau khi cộng điểm toàn bài, làm tròn đến 0,50 điểm (*lẻ 0,25 điểm làm tròn thành 0,50 điểm; lẻ 0,75 điểm làm tròn thành 1,00 điểm*).

**B. Đáp án và thang điểm**

Câu	Đáp án	Điểm
<b>I. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ CÁC THÍ SINH (8,0 điểm)</b>		
<b>Câu I</b> (3,0 đ)	<p><b>1. Những đặc điểm chính của địa hình vùng núi Tây Bắc và ảnh hưởng của chúng đến sự phân hóa khí hậu vùng này (1,50 đ)</b></p> <p>- Đặc điểm chính của địa hình vùng núi Tây Bắc :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Địa hình cao nhất nước ta.</li> <li>+ Hướng tây bắc - đông nam.</li> <li>+ Địa hình gồm 3 dải.</li> </ul> <p>(<i>Diễn giải : hai phía đông, tây là các dãy núi cao và trung bình, ở giữa thấp hơn bao gồm các dãy núi, các cao nguyên, sơn nguyên và thung lũng sông</i>).</p> <p>- Ảnh hưởng của địa hình vùng núi Tây Bắc đến sự phân hóa khí hậu của vùng :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Làm cho khí hậu phân hóa theo độ cao.</li> <li>+ Làm cho khí hậu phân hóa theo hướng địa hình.</li> </ul>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
	<p><b>2.a. Tính mật độ dân số (0,50 đ)</b></p> <p>Mật độ dân số của các vùng :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng bằng sông Hồng : 1225 người/km<sup>2</sup>.</li> <li>- Tây Nguyên : 89 người/km<sup>2</sup>.</li> <li>- Đông Nam Bộ : 511 người/km<sup>2</sup>.</li> </ul> <p>* <i>Thí sinh tính đúng 1 - 2 vùng cho 0,25 điểm.</i></p>	0,50
	<p><b>2.b. Nguyên nhân Tây Nguyên có mật độ dân số thấp (1,00 đ)</b></p> <p>- Những nhân tố kinh tế - xã hội :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhân tố kinh tế : trình độ, cơ cấu và tính chất các hoạt động kinh tế...</li> <li>+ Các nhân tố khác : đặc điểm dân cư, đô thị hoá...</li> </ul> <p>- Những nhân tố tự nhiên :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Địa hình - đất đai : miền núi, cao nguyên.</li> <li>+ Các nhân tố khác : rừng, nguồn nước...</li> </ul> <p>* <i>Yêu cầu thí sinh nêu ảnh hưởng cụ thể của các nhân tố trên địa bàn Tây Nguyên. Nếu thí sinh chỉ kể tên các nhân tố như trên thì cho 1/2 số điểm của mỗi ý.</i></p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

<p><b>Câu II</b> (2,0 đ)</p>	<p><b>1. Vẽ biểu đồ (1,50 đ)</b></p> <p style="text-align: center;"><b>CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP NƯỚC TA PHÂN THEO NHÓM NGÀNH (%)</b></p> <div style="text-align: center;"> <p>Năm 2000                      Năm 2005</p> <p> <span style="display: inline-block; width: 10px; height: 10px; background-color: #d3d3d3; border: 1px solid black; margin-right: 5px;"></span> Công nghiệp chế biến    <span style="display: inline-block; width: 10px; height: 10px; background-image: radial-gradient(circle, black 1px, transparent 0); background-size: 4px 4px; border: 1px solid black; margin-right: 5px;"></span> Công nghiệp khai thác  <span style="display: inline-block; width: 10px; height: 10px; background-color: white; border: 1px solid black; margin-right: 5px;"></span> Công nghiệp sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước </p> </div> <p>Yêu cầu :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ 2 biểu đồ hình tròn, mỗi năm 1 biểu đồ. Bán kính biểu đồ 2 năm bằng nhau hoặc năm 2005 lớn hơn năm 2000.</li> <li>- Có đủ các yếu tố, tương đối chính xác về các đối tượng biểu hiện.</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên biểu đồ.</li> <li>- Chú giải (có thể ghi trực tiếp trên biểu đồ).</li> <li>- Vẽ 2 biểu đồ hình tròn cho 2 năm đúng yêu cầu trên : <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nếu chỉ đúng tỉ trọng 1 nhóm ngành trên mỗi biểu đồ cho 0,25 điểm.</li> <li>+ Nếu đúng tỉ trọng 2 - 3 nhóm ngành trên mỗi biểu đồ cho 0,50 điểm.</li> </ul> </li> </ul> <p><i>* Nếu biểu đồ năm 2000 lớn hơn biểu đồ năm 2005 trừ 0,25 điểm. Vẽ các loại biểu đồ khác không cho điểm.</i></p> <p><i>Trường hợp không có chú giải hoặc chú giải sai thì giám khảo đối chiếu tỉ trọng được biểu hiện ở các hình quạt trên mỗi biểu đồ với số liệu của các năm đã cho trong đề bài. Nếu thấy các hình quạt phù hợp với tỉ trọng của nhóm ngành đã cho ở bảng số liệu thì coi là đúng và cho điểm theo biểu điểm trên.</i></p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>1,00</p>
	<p><b>2. Nhận xét (0,50 đ)</b></p> <p>Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp nước ta phân theo nhóm ngành năm 2005 có sự thay đổi so với năm 2000 :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng tỉ trọng nhóm ngành chế biến (dẫn chứng theo bảng số liệu).</li> <li>- Giảm tỉ trọng nhóm ngành khai thác và sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước (dẫn chứng theo bảng số liệu).</li> </ul>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
<p><b>Câu III</b> (3,0 đ)</p>	<p><b>1. Thuận lợi, khó khăn về tài nguyên thiên nhiên đối với việc phát triển nông nghiệp của Trung du và miền núi Bắc Bộ (1,50 đ)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuận lợi : <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khí hậu : <ul style="list-style-type: none"> <li>• Vùng có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, phân hoá theo độ cao.</li> <li>• Đặc điểm đó tạo điều kiện phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng hóa cơ cấu nông nghiệp.</li> </ul> </li> <li>+ Đất đai : <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chủ yếu là đất feralit thích hợp phát triển cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả...</li> <li>• Đất đai khu vực trung du, cao nguyên thuận lợi phát triển các vùng chuyên canh, đồng cỏ chăn nuôi gia súc.</li> </ul> </li> </ul> </li> <li>- Khó khăn : <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khí hậu : khô hạn, rét đậm, rét hại về mùa đông...</li> <li>+ Các khó khăn khác (nêu ít nhất 1 khó khăn ngoài khó khăn về khí hậu).</li> </ul> </li> </ul> <p><i>* Thí sinh phân tích thêm thuận lợi từ các thành phần tự nhiên khác hợp lí thì thưởng 0,25 điểm nhưng tổng điểm của <b>Câu III.1</b> không quá 1,50 điểm.</i></p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

	<p><b>2. Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng (1,50 đ)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ cấu kinh tế theo ngành có sự chuyển dịch : <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm tỉ trọng khu vực I. 0,25</li> <li>+ Tăng tỉ trọng khu vực II. 0,25</li> <li>+ Tăng tỉ trọng khu vực III. 0,25</li> <li>+ Diễn ra trong nội bộ các khu vực, các ngành kinh tế. 0,25</li> </ul> </li> <li>- Chuyển dịch theo chiều hướng tích cực gắn với tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường. 0,25</li> <li>- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. 0,25</li> </ul>	
<b>II. PHẦN RIÊNG (2,0 điểm)</b>		
<p><b>Câu IV.a (2,0 đ)</b></p>	<p><b>1. Kể tên các vùng nông nghiệp có cà phê là sản phẩm chuyên môn hóa của vùng (0,50 đ)</b></p> <p>Kể đúng 3 vùng nông nghiệp có cà phê là sản phẩm chuyên môn hóa : Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Bắc Trung Bộ.</p> <p><i>* Thí sinh nêu đúng 1 - 2 vùng cho 0,25 điểm.</i></p>	0,50
	<p><b>2. Giải thích (1,50 đ)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các vùng này có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển cây cà phê : <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đất đai : các loại đất feralit, nhất là đất badan thích hợp cho cây cà phê. 0,25</li> <li>+ Địa hình : các vùng bán bình nguyên, cao nguyên, trung du cho phép trồng cà phê với quy mô lớn. 0,25</li> <li>+ Khí hậu : có điều kiện nhiệt, ẩm thích hợp cho sự phát triển sản xuất cà phê. 0,25</li> <li>+ Các điều kiện tự nhiên khác (nêu ít nhất 1 yếu tố tự nhiên khác thuận lợi cho việc phát triển cây cà phê). 0,25</li> </ul> </li> <li>- Các điều kiện kinh tế - xã hội : <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chính sách của Nhà nước. 0,25</li> <li>+ Các điều kiện kinh tế - xã hội khác (nêu ít nhất 1 yếu tố kinh tế - xã hội khác thuận lợi cho việc phát triển cây cà phê). 0,25</li> </ul> </li> </ul> <p><i>* Nếu thí sinh giải thích riêng cho từng vùng mà đủ các điều kiện thuận lợi như trên thì mỗi vùng cho 0,50 điểm.</i></p>	
<p><b>Câu IV.b (2,0 đ)</b></p>	<p><b>1. Kể tên các trung tâm công nghiệp nhỏ ở Đồng bằng sông Cửu Long (0,50 đ)</b></p> <p>Nêu đúng tên các trung tâm công nghiệp nhỏ của vùng theo Atlas Địa lí Việt Nam : Tân An, Mỹ Tho, Long Xuyên, Hà Tiên, Rạch Giá, Sóc Trăng, Cà Mau.</p> <p><i>* Thí sinh nêu đúng 3 trung tâm cho 0,25 điểm; từ 4 trung tâm trở lên cho 0,50 điểm.</i></p>	0,50
	<p><b>2. Tóm tắt tình hình tăng trưởng GDP của nước ta từ năm 1990 đến nay (1,50 đ)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GDP tăng liên tục qua các năm. 0,25</li> <li>(Nêu ít nhất 1 dẫn chứng về sự tăng trưởng GDP). 0,25</li> <li>- Tốc độ tăng trưởng tương đối cao. 0,25</li> <li>- Các khu vực kinh tế đều tăng trưởng. 0,25</li> <li>- Tốc độ tăng trưởng các khu vực kinh tế khác nhau. 0,25</li> <li>- Chất lượng tăng trưởng được cải thiện nhưng vẫn còn những hạn chế. 0,25</li> </ul>	

---- HẾT ----